

VP Sao gửi: ~~ĐHTT~~ và TV

Hait

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

*

Số 6442 - QĐ/HNDTW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế bầu cử trong hệ thống
Hội Nông dân Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VII, nhiệm kỳ 2018 – 2023;

Căn cứ Kết luận tại Hội nghị Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam ngày 16/12/2022; ý kiến của Ban Thường vụ Trung ương Hội (tại Công văn số 4877-CV/HNDTW ngày 14/11/2022 của Ban Thường vụ Trung ương Hội).

Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức Trung ương Hội Nông dân Việt Nam,

BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bầu cử trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Đồng chí Trưởng ban Tổ chức, Chánh Văn phòng Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; Trưởng các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội; Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*arg*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực TW Hội;
- Các đ/c UV BCH TW Hội;
- Hội Nông dân các tỉnh, thành phố;
- Lưu VP.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Lương Quốc Đoàn



QUY CHẾ BẦU CỬ

TRONG HỆ THỐNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6442 - QĐ/HNDTW ngày 04/01/2023
của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được áp dụng đối với việc bầu cử trong tổ chức Hội từ cơ sở đến Trung ương.

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

Việc bầu cử trong hệ thống Hội thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bình đẳng, trực tiếp, đa số quá bán; kết quả bầu cử phải được chuẩn y của ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp theo quy định.

Điều 3. Hình thức bầu cử

1. Bỏ phiếu kín được thực hiện trong các trường hợp:

a. Bầu ban chấp hành tại đại hội, bầu ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hoặc bầu bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ và chức danh chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tại hội nghị ban chấp hành; bầu phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tại hội nghị ủy ban kiểm tra.

b. Bầu đại biểu đi dự đại hội Hội Nông dân cấp trên trực tiếp.

c. Lấy phiếu xin ý kiến về các ứng cử viên để đưa vào danh sách bầu cử (nếu có).

2. Biểu quyết giơ tay được thực hiện trong các trường hợp:

a. Bầu các cơ quan điều hành, giúp việc đại hội, hội nghị như: đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, chủ tịch hội nghị, ban thẩm tra tư cách đại biểu, ban kiểm phiếu hoặc tổ kiểm phiếu ...

b. Thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

c. Bầu ban chấp hành chi hội, chi hội trưởng, chi hội phó và bầu đại biểu dự đại hội cấp cơ sở.

CHƯƠNG II

ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, QUYỀN BẦU CỬ, DANH SÁCH BẦU CỬ, PHIẾU BẦU

Điều 4. Ứng cử

1. Ứng cử vào Ban Chấp hành:

a. Đối tượng ứng cử: Tất cả hội viên Hội Nông dân Việt Nam đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

b. Thủ tục ứng cử tại đại hội:

- Đại biểu chính thức có mặt tại đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên: ứng cử trực tiếp hoặc gửi đơn đến đoàn chủ tịch đại hội. Nếu không phải là đại biểu đại hội thì chậm nhất là 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội phải hoàn chỉnh hồ sơ ứng cử nộp ban thường vụ Hội Nông dân cấp triệu tập đại hội.

- Hồ sơ ứng cử gồm có:

+ Đơn ứng cử.

+ Bản khai lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi công tác.

2. Ứng cử vào ban thường vụ: Ủy viên ban chấp hành mỗi cấp có quyền ứng cử để được bầu vào ban thường vụ của Hội Nông dân cấp đó.

3. Ứng cử vào chức danh chủ tịch và phó chủ tịch:

Ủy viên ban thường vụ cấp nào được ứng cử để bầu chủ tịch, phó chủ tịch của Hội Nông dân cấp đó.

4. Ứng cử đại biểu đi dự đại hội cấp trên trực tiếp: Chỉ có đại biểu chính thức có mặt tại đại hội mới có quyền ứng cử để được bầu làm đại biểu đi dự đại hội cấp trên trực tiếp.

5. Trường hợp người ứng cử là đảng viên: Thực hiện theo Quy định hiện hành của Đảng.

Điều 5. Đề cử

1. Đề cử được áp dụng trong các trường hợp sau:

a. Đoàn chủ tịch (chủ tịch) đại hội (hội nghị) đề cử danh sách nhân sự do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội (hội nghị) chuẩn bị.

b. Ở đại hội toàn thể hội viên: Hội viên có quyền đề cử người tham gia ban chấp hành Hội Nông dân cấp mình và đại biểu đi dự đại hội đại biểu Hội cấp trên (trừ các đại biểu là ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị).

c. Ở đại hội đại biểu: Đại biểu chính thức của đại hội có quyền đề cử người tham gia ban chấp hành Hội Nông dân cấp mình và đại biểu đi dự đại hội đại biểu Hội cấp trên (trừ các đại biểu là ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị).

d. Ủy viên ban chấp hành đề cử ủy viên ban chấp hành khác để được bầu vào ban thường vụ tại hội nghị ban chấp hành (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3. Điều 5 của Quy chế này).

đ. Ủy viên ban chấp hành đề cử ủy viên ban chấp hành khác để được bầu làm ủy viên ủy ban kiểm tra; đề cử ủy viên ủy ban kiểm tra để được bầu làm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3. Điều 5 của Quy chế này).

e. Ủy viên ủy ban kiểm tra đề cử ủy viên ủy ban kiểm tra khác để được bầu làm phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

2. Thủ tục đề cử tại đại hội:

a. Ở đại hội toàn thể hội viên: Hội viên đề cử hội viên của tổ chức Hội cấp mình bằng hình thức đề cử trực tiếp hoặc bằng văn bản gửi đoàn chủ tịch đại hội về sơ yếu lý lịch, tư cách của người mà mình đề cử (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác) và phải được sự đồng ý của người được đề cử.

b. Ở đại hội đại biểu: Đại biểu chính thức thực hiện đề cử trực tiếp hoặc bằng văn bản gửi đoàn chủ tịch đại hội. Nếu người được đề cử không phải là đại biểu của đại hội thì phải báo cáo đoàn chủ tịch đại hội bằng văn bản về sơ yếu lý lịch, tư cách của người mà mình đề cử (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác) và phải được sự đồng ý của người được đề cử.

3. Người đề cử và người được đề cử:

a. Ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do ban chấp hành đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của ban chấp hành.

b. Ở các hội nghị của ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do ban thường vụ đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của ban thường vụ.

c. Người đề cử và người được đề cử ngoài danh sách ban chấp hành cấp triệu tập chuẩn bị là đảng viên phải thực hiện theo các quy định hiện hành của Đảng.

4. Trách nhiệm của người đề cử:

Tại đại hội (hội nghị) người đề cử nhân sự tham gia ban chấp hành phải chịu trách nhiệm trước đại hội (hội nghị) về tiêu chuẩn, điều kiện tham gia ban chấp hành của người mà mình đề cử. Sau đại hội (hội nghị) nếu xác minh người

được đề cử không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì tùy theo mức độ vi phạm, người đề cử sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của Đảng và tổ chức Hội.

Điều 6. Quyền Bầu cử

Chỉ có đại biểu chính thức của đại hội (hội nghị) mới có quyền bầu cử.

Điều 7. Quy định về số dư và danh sách bầu cử

1. Số lượng ứng cử viên trong danh sách bầu cử: Số lượng ứng cử viên trong danh sách bầu cử bằng hoặc nhiều hơn số lượng cần bầu là do đại hội (hội nghị) quyết định, nhưng không quá 15% so với số lượng cần bầu.

a. Trường hợp danh sách đề cử và ứng cử nhiều hơn 15% so với số lượng cần bầu thì xin ý kiến đại hội (hội nghị) về những người được đại biểu đại hội (hội nghị) đề cử và người ứng cử. Căn cứ vào kết quả xin ý kiến, lựa chọn theo số phiếu đồng ý từ cao xuống thấp để lập danh sách bầu cử có số dư tối đa không quá 15%. Trường hợp cuối danh sách có nhiều người có số phiếu bằng nhau mà vượt quá 15% thì lựa chọn theo thứ tự ưu tiên cơ cấu, dân tộc, nữ, trẻ tuổi.

b. Trường hợp danh sách bầu cử chưa đủ số dư 15% so với số lượng cần bầu thì đại hội (hội nghị) quyết định (có thể lấy danh sách đó làm danh sách bầu cử).

2. Danh sách bầu cử: Gồm những người ứng cử, những người được đề cử đã được đại hội (hội nghị) biểu quyết thông qua.

Danh sách bầu cử được xếp theo thứ tự tên người theo vần A, B, C. Nếu có nhiều người trùng tên thì xếp theo họ, nếu trùng cả họ và tên thì xếp theo tên đệm, nếu cả 3 dữ kiện này đều trùng thì người có tuổi cao hơn được xếp tên trên.

Điều 8. Phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu cử: Phiếu bầu cử được in hoặc ghi họ tên những người trong danh sách bầu cử được xếp thứ tự tên theo vần A, B, C... của từng khối (nếu cần thiết), có đóng dấu của ban chấp hành cấp triệu tập ở góc trên bên trái phiếu bầu.

Trường hợp danh sách bầu không có số dư: Phiếu bầu được chia làm 4 cột gồm: Số thứ tự, họ tên, đồng ý, không đồng ý; người bầu cử đánh dấu X vào ô đồng ý và ô không đồng ý tương ứng với họ và tên người trong danh sách bầu cử.

2. Phiếu hợp lệ và không hợp lệ:

a. **Phiếu hợp lệ:** Là phiếu do ban (tổ) kiểm phiếu phát ra, bầu người trong danh sách đã được đại hội (hội nghị) thông qua, phiếu bầu đủ hoặc thiếu số lượng cần bầu; phiếu bầu mà trong danh sách bầu cử chỉ có một người, người bầu cử đánh dấu X vào một trong hai ô đồng ý hoặc không đồng ý; phiếu bầu nhiều người mà không có số dư, người bầu cử đánh dấu X vào cả hai ô (đồng ý và không đồng ý) hoặc không đánh dấu X vào cả hai ô (đồng ý và không đồng ý) của một người hoặc một số người trong danh sách bầu cử.

b. *Phiếu không hợp lệ*: Là phiếu không do ban (tổ) kiểm phiếu phát ra; phiếu bầu nhiều hơn số lượng quy định; phiếu không bầu cho ai trong danh sách bầu (với trường hợp danh sách bầu từ 2 người trở lên); phiếu xóa giữa 2 dòng chữ không biết bầu ai; phiếu đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý hoặc không đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý trong danh sách bầu cử chỉ có một người; phiếu viết tên người ngoài danh sách đã được đại hội (hội nghị) thông qua; phiếu có đánh dấu hoặc dùng nhiều loại mực, phiếu ký tên hoặc viết tên thêm.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ CƠ QUAN PHỤ TRÁCH VIỆC CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH BẦU CỬ

Điều 9: Nhiệm vụ của ban chấp hành cấp triệu tập đại hội

1. Chuẩn bị đề án nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch; nhân sự ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.
2. Quyết định số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu đi dự đại hội.
3. Cung cấp tài liệu cho ban thẩm tra tư cách đại biểu về tình hình, kết quả bầu cử đại biểu và những vấn đề liên quan đến tư cách đại biểu.
4. Cung cấp tài liệu cho đoàn chủ tịch để trả lời các vấn đề do đại biểu đại hội yêu cầu liên quan đến các ứng cử viên.
5. Chuẩn bị tài liệu để ban chấp hành khoá mới bầu ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch; ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

Điều 10. Đoàn chủ tịch đại hội, đoàn thư ký và ban thẩm tra tư cách đại biểu, ban (tổ) kiểm phiếu

1. Nhiệm vụ của đoàn chủ tịch:

- a. Điều hành việc bầu cử.
- b. Hướng dẫn để đại hội thảo luận, quán triệt tiêu chuẩn nhân sự ban chấp hành, số lượng, cơ cấu ban chấp hành; tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đại biểu dự đại hội cấp trên.
- c. Đề cử danh sách nhân sự do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị; hướng dẫn việc ứng cử, đề cử.
- d. Tổng hợp danh sách những người ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo đại hội xem xét, quyết định.

e. Lấy phiếu xin ý kiến của đại hội đối với những người ứng cử, được đề cử. Lập danh sách bầu cử, lấy biểu quyết của đại hội (hội nghị) thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

f. Giới thiệu danh sách ban (tổ) kiểm phiếu, trưởng ban (tổ) kiểm phiếu để đại hội biểu quyết; chỉ đạo hoạt động của ban (tổ) kiểm phiếu; phổ biến nguyên tắc, thủ tục bầu cử trong đại hội.

g. Giải đáp những ý kiến của đại biểu về nhân sự trong quá trình chuẩn bị bầu cử.

2. Nhiệm vụ đoàn thư ký đại hội:

a. Ghi biên bản, tổng hợp ý kiến thảo luận tại đại hội, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội, trình bày dự thảo nghị quyết.

b. Quản lý và phát hành tài liệu, ấn phẩm của đại hội theo sự chỉ đạo của đoàn chủ tịch. Thu nhận, bảo quản và gửi đến ban chấp hành khóa mới đầy đủ hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm của đại hội.

c. Tập hợp, phản ánh kịp thời với đoàn chủ tịch những vấn đề phát sinh tại đại hội.

3. Nhiệm vụ ban thẩm tra tư cách đại biểu:

a. Căn cứ Điều lệ Hội và các quy định, quy chế, xem xét báo cáo và các tài liệu liên quan do ban chấp hành triệu tập đại hội cung cấp về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu đại biểu; những vấn đề liên quan đến tư cách đại biểu để xét tư cách đại biểu.

b. Báo cáo với đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

c. Xem xét đơn thư khiếu nại, tố cáo về tư cách đại biểu; báo cáo với đoàn chủ tịch đại hội để trình đại hội xem xét quyết định.

4. Nhiệm vụ ban (tổ) kiểm phiếu:

a. Ban (tổ) kiểm phiếu là những đại biểu chính thức của đại hội, không có tên trong danh sách bầu cử và do đoàn chủ tịch đại hội đề xuất, giới thiệu để đại hội bầu.

b. Số lượng thành viên ban (tổ) kiểm phiếu

Số lượng thành viên ban (tổ) kiểm phiếu ở đại hội (hội nghị) các cấp do đoàn chủ tịch đại hội (hoặc chủ tọa hội nghị) lựa chọn, giới thiệu; đại hội (hội nghị) biểu quyết thông qua.

c. Ban (tổ) kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Chuẩn bị phiếu bầu, hòm phiếu.
- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu.

- Kiểm tra, niêm phong thùng phiếu; phát phiếu trực tiếp cho đại biểu hoặc theo đoàn đại biểu; kiểm tổng số phiếu phát ra, thu về báo cáo đại hội; tiến hành kiểm phiếu.

- Xem xét và kết luận phiếu không hợp lệ.

- Lập biên bản bầu cử; công bố kết quả bầu cử.

- Niêm phong phiếu bầu và chuyển cho đoàn chủ tịch đại hội.

CHƯƠNG IV

ĐẠI BIỂU ĐẠI HỘI

Điều 11. Đại biểu dự đại hội (đối với đại hội đại biểu)

Đại biểu dự đại hội Hội Nông dân các cấp gồm: Các ủy viên ban chấp hành đương nhiệm cấp triệu tập đại hội, đại biểu được đại hội cấp dưới bầu theo quyết định phân bổ đại biểu của Hội cấp trên trực tiếp (đối với đại hội cấp xã là đại biểu do đại hội chi hội bầu lên); đại biểu do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chỉ định (không quá 5%).

Điều 12. Số lượng đại biểu

Số lượng đại biểu dự đại hội do ban chấp hành Hội Nông dân cấp triệu tập đại hội quyết định trên cơ sở hướng dẫn đại hội của Hội cấp trên, số lượng hội viên, số đơn vị hành chính, điều kiện kinh tế, ý kiến của cấp ủy cùng cấp.

Điều 13. Những trường hợp được thay thế đại biểu

Đại biểu dự khuyết được chuyển thành đại biểu chính thức khi đại biểu chính thức vắng mặt có lý do suốt thời gian đại hội. Ban thường vụ cấp triệu tập đại hội quyết định chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức theo đề nghị của đơn vị khuyết đại biểu.

Điều 14. Những trường hợp không được thay thế đại biểu

1. Đại hội bầu không đủ số lượng đại biểu chính thức được phân bổ.
2. Đại biểu chính thức bị bác tư cách gồm: Đại biểu bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đang trong thời gian thi hành; đại biểu đang bị cơ quan pháp luật khởi tố, truy tố; đại biểu bầu không đúng quy định; đại biểu vi phạm nội quy đại hội gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến uy tín của Hội.

CHƯƠNG V

BẦU CÁC CƠ QUAN, CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO

Điều 15. Bầu ban chấp hành

1. Đoàn chủ tịch đại hội báo cáo với đại hội về đề án nhân sự ban chấp hành khóa mới do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị.

2. Đại hội thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu ban chấp hành khóa mới và biểu quyết về số lượng, cơ cấu.

3. Đoàn chủ tịch đại hội đề cử danh sách nhân sự do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị.

4. Tiến hành ứng cử, đề cử.

5. Đoàn chủ tịch đại hội báo cáo kết quả ứng cử, đề cử bao gồm:

a. Danh sách nhân sự được đại biểu thống nhất với đề cử của ban chấp hành.

b. Danh sách nhân sự tự ứng cử, nhân sự được đề cử ngoài danh sách giới thiệu của ban chấp hành cấp triệu tập đại hội.

c. Đại hội thảo luận về danh sách bầu cử. Nếu có đại biểu xin rút khỏi danh sách bầu cử thì đoàn chủ tịch đại hội có quyền xem xét, quyết định cho rút hoặc không cho rút.

6. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách bầu cử ban chấp hành.

7. Đại hội bầu ban (tổ) kiểm phiếu.

a. Đoàn chủ tịch đại hội giới thiệu số lượng, đại hội biểu quyết thông qua.

b. Đoàn chủ tịch giới thiệu danh sách dự kiến nhân sự ban (tổ) kiểm phiếu, đại hội biểu quyết thông qua.

8. Đoàn chủ tịch hướng dẫn nguyên tắc, thủ tục bầu cử.

9. Ban (tổ) kiểm phiếu điều hành bầu ban chấp hành; nhiệm vụ theo quy định tại khoản 4, Điều 10 của Quy chế này. Bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng có bầu tiếp hay không do đại hội quyết định.

Điều 16. Bầu ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra ở phiên họp đầu tiên của ban chấp hành khóa mới

Triệu tập phiên họp đầu tiên của ban chấp hành khóa mới là đồng chí chủ tịch hoặc phó chủ tịch khóa trước được bầu tái cử. Nếu chủ tịch và phó chủ tịch khóa trước không tái cử thì đoàn chủ tịch đại hội chỉ định triệu tập viên là 1 đồng chí mới được bầu vào ban chấp hành, chủ trì phiên họp cho đến khi bầu xong chủ tọa hội nghị. Chủ tọa hội nghị báo cáo ban chấp hành thông qua chương trình làm việc và tiến hành các thủ tục bầu cử.

1. Bầu ban thường vụ, ủy ban kiểm tra:

a. Chủ tọa hội nghị báo cáo ban chấp hành về Đề án nhân sự ban thường vụ, ủy ban kiểm tra do ban chấp hành khóa trước chuẩn bị.

b. Ban chấp hành thảo luận và biểu quyết về yêu cầu, tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra khóa mới.

c. Chủ tọa hội nghị báo cáo danh sách nhân sự dự kiến tham gia bầu vào ban thường vụ, ủy ban kiểm tra khóa mới do ban chấp hành khóa trước đề cử.

d. Tiến hành ứng cử, đề cử.

e. Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về danh sách bầu cử. Đối với những trường hợp xin rút khi được đề cử phải được trên 50% ủy viên ban chấp hành đồng ý.

f. Ban chấp hành biểu quyết chốt danh sách bầu cử.

g. Bầu ban (tổ) kiểm phiếu (*thực hiện tương tự như phần bầu ban chấp hành*).

h. Ban (tổ) kiểm phiếu hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử.

i. Nếu bầu một lần chưa đủ số lượng ủy viên ban Thường vụ, ủy ban kiểm tra có bầu tiếp hay không do ban chấp hành xem xét, quyết định.

2. Bầu chủ tịch, phó chủ tịch, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra:

Chức danh chủ tịch, phó chủ tịch là những đồng chí đã trúng cử ủy viên ban thường vụ. Nhân sự đề bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra phải là đồng chí đã trúng cử ủy ban kiểm tra.

a. Chủ tọa hội nghị thông báo ý kiến đề cử nhân sự của cấp ủy cùng cấp và ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp.

b. Hội nghị thảo luận, tiến hành ứng cử, đề cử.

c. Hội nghị cho ý kiến về danh sách bầu cử và biểu quyết chốt danh sách.

d. Bầu ban (tổ) kiểm phiếu (*có thể sử dụng ban kiểm phiếu của bầu ban thường vụ*).

e. Tiến hành bầu cử và công bố kết quả bầu cử (*Bầu chủ tịch trước, bầu phó chủ tịch sau*).

Điều 17. Bầu bổ sung ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra, bầu kiện toàn chủ tịch, phó chủ tịch, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong nhiệm kỳ.

1. Đồng chí chủ trì hội nghị ban chấp hành báo cáo về chủ trương kiện toàn ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch; ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

2. Đồng chí chủ trì hội nghị báo cáo danh sách nhân sự được ban Thường vụ Hội cấp trên và cấp ủy cùng cấp giới thiệu (theo phân cấp).

3. Hội nghị tiến hành thảo luận, ứng cử, đề cử, thực hiện bầu cử theo quy định.

4. Những đồng chí trúng cử ban chấp hành được tham gia bầu bổ sung ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch ngay tại hội nghị đó.

5. Hội nghị Ủy ban Kiểm tra bầu bổ sung phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra đã được bầu.

CHƯƠNG VI

BẦU ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI CẤP TRÊN TRỰC TIẾP

Điều 18. Bầu đại biểu dự đại hội cấp trên trực tiếp

Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị đề án đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên theo quyết định phân bổ của ban thường vụ cấp trên trực tiếp.

1. Tiêu chuẩn đại biểu: Là đại biểu chính thức có mặt tại đại hội, là cán bộ, hội viên ưu tú, tiêu biểu trong công tác Hội và phong trào nông dân, có uy tín, có khả năng đóng góp vào những quyết định của đại hội và tuyên truyền kết quả của đại hội.

2. Quy trình bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên trực tiếp:

a. Đoàn chủ tịch đại hội đọc quyết định phân bổ đại biểu đi dự đại hội của ban chấp hành cấp trên trực tiếp và báo cáo đề án bầu đại biểu dự đại hội Hội Nông dân cấp trên.

b. Đại hội thảo luận và đại biểu ứng cử, đề cử.

c. Đoàn chủ tịch báo cáo tổng hợp danh sách đại biểu ứng cử, đề cử.

d. Đại hội thảo luận về danh sách đại biểu ứng cử, đề cử, sau đó biểu quyết chốt danh sách bầu đại biểu dự đại hội Hội Nông dân cấp trên.

e. Đại hội bầu ban (tổ) kiểm phiếu.

f. Ban (tổ) kiểm phiếu điều hành bầu đại biểu chính thức trước, sau đó bầu đại biểu dự khuyết theo số lượng quy định; hoặc bầu đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết trong cùng một lần, nhưng sử dụng hai loại phiếu khác nhau.

CHƯƠNG VII

TÍNH KẾT QUẢ VÀ CHUẨN Y KẾT QUẢ BẦU CỬ

Điều 19. Tính kết quả bầu cử tại đại hội và các hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ

1. Đại hội hoặc hội nghị chỉ hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số đại biểu được triệu tập tham dự.

2. Kết quả bầu cử được tính trên số phiếu bầu hợp lệ. Phiếu hợp lệ là phiếu quy định tại Điều 8 của quy chế này. Trường hợp phiếu bầu nhiều người mà không có số dư, người bầu cử đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý hoặc không đánh dấu X vào cả hai ô đồng ý, không đồng ý đối với người nào thì không tính vào kết quả bầu cử của người đó (phiếu đó vẫn được tính là phiếu hợp lệ).

a. Đối với đại hội (hội nghị) toàn thể hội viên: Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu cử trên 50% so với tổng số đại biểu triệu tập dự đại hội hoặc hội nghị trừ đi số đại biểu vắng mặt trong suốt thời gian đại hội hoặc hội nghị và được tính từ người có số phiếu cao nhất đến hết số lượng cần bầu.

b. Đối với đại hội (hội nghị) đại biểu: Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu cử trên 50% so với tổng số đại biểu chính thức triệu tập dự đại hội hoặc hội nghị trừ đi số đại biểu chính thức vắng mặt trong suốt thời gian đại hội hoặc hội nghị không có đại biểu dự khuyết thay thế và được tính từ người có số phiếu cao nhất đến hết số lượng cần bầu.

3. Trường hợp cuối danh sách trúng cử có một số người bằng phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu và trên 50% số phiếu bầu thì đoàn chủ tịch đại hội hoặc chủ trì hội nghị cho lập danh sách những người bằng phiếu nhau để bầu tiếp; người có số phiếu bầu cao nhất sẽ trúng cử, không cần quá 50% so với tổng số phiếu bầu. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 20. Biên bản bầu cử

1. Biên bản bầu cử được lập thành 03 bản có chữ ký của đồng chí thay mặt Đoàn chủ tịch đại hội và trưởng ban (tổ) kiểm phiếu.

2. Ban (tổ) kiểm phiếu niêm phong phiếu bầu để đoàn chủ tịch đại hội bàn giao cho ban chấp hành mới lưu trữ trong thời gian 6 tháng. Quá 6 tháng nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử, ban thường vụ quyết định hủy số phiếu đó.

3. Đoàn chủ tịch đại hội giao cho ban chấp hành khóa mới biên bản bầu cử và phiếu bầu để báo cáo ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét chuẩn y.

Điều 21. Chuẩn y kết quả bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch; ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra

1. Chậm nhất 15 ngày làm việc sau đại hội hoặc hội nghị, ban thường vụ phải báo cáo lên ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp biên bản bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch kèm danh sách trích ngang (theo mẫu) và tờ trình đề nghị chuẩn y kết quả bầu cử. Tờ trình này do chủ tịch hoặc phó chủ tịch Hội mới được bầu tại hội nghị ban chấp hành ký. Ban thường vụ cấp trên công nhận ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch cấp dưới sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong thời gian 15 ngày làm việc.

2. Ủy viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ban chấp hành cùng cấp bầu, được ban thường vụ hội cấp trên trực tiếp công nhận. Các phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Hội Nông dân các cấp do ủy ban kiểm tra cùng cấp bầu, được ban thường vụ cùng cấp phê chuẩn và báo cáo ủy ban kiểm tra hội cấp trên.

CHƯƠNG VIII

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, VI PHẠM QUY CHẾ BẦU CỬ

Điều 22. Thẩm quyền thủ tục giải quyết khiếu nại, vi phạm quy chế bầu cử

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bế mạc đại hội, nếu có đơn thư khiếu nại về bầu cử thì ban thường vụ cùng cấp có trách nhiệm xem xét, xử lý và báo cáo ban chấp hành cùng cấp.

2. Nếu phát hiện có vi phạm nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì ban thường vụ báo cáo ban thường vụ cấp trên trực tiếp.

3. Thư tố cáo tư cách đại biểu phải gửi đến ban chấp hành trước ngày khai mạc Đại hội. Đối với cơ sở là 10 ngày, đối với cấp trên cơ sở là 15 ngày. Nếu thư tố cáo gửi đến sau thời gian quy định, ban chấp hành cấp triệu tập có thể chuyển cho Ban Chấp hành khóa mới xem xét, giải quyết.

4. Nếu phát hiện thấy sự vi phạm nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì ban thường vụ cấp trên có quyền bãi bỏ kết quả bầu cử của đại hội hoặc của hội nghị ban chấp hành cấp dưới, chỉ đạo đại hội (hội nghị) tiến hành bầu cử lại; trường hợp cá nhân đã được bầu vào ban chấp hành và các chức danh của cấp dưới nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định thì ban thường vụ cấp trên có quyền không chuẩn y công nhận.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản thi hành

Quy chế này được phổ biến đến toàn thể cán bộ, hội viên trong hệ thống Hội. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.